

Số: 1538/QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành mẫu Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng năm 2024 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về sửa đổi, bổ sung một số điều và sửa đổi phụ lục của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm.

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kế hoạch số 117/ĐHSP-ĐT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về Kế hoạch rà soát, cập nhật chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

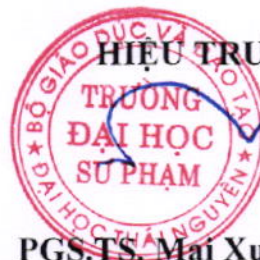
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này mẫu Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

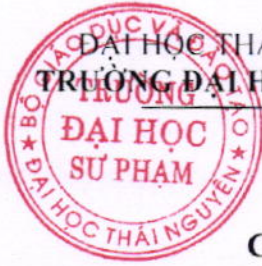
Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: 

- ĐHTN (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu: ĐT, VT (3).


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
SƯ PHẠM


PGS.TS. Mai Xuân Trường



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 6 năm 2024

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1538 ngày 17 tháng 6 năm 2024 của Hiệu trưởng
Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)

1. Thông tin về chương trình đào tạo

- Tên ngành đào tạo
- + Tiếng Việt:
- + Tiếng Anh:
- Mã số ngành đào tạo:
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
- + Tiếng Việt:
- + Tiếng Anh:
- Đơn vị đào tạo: Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

2. Mục tiêu chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

.....

2.2. Mục tiêu cụ thể

PO1:

PO2:

.....

3. Chuẩn đầu ra (PLO)

* Kiến thức

PLO1:

PLO2:

PLO...:

ss Am

*** Kỹ năng**

PLO...:

PLO...:

*** Mức tự chủ và trách nhiệm**

PLO...:

4. Ma trận quan hệ mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	...	...	PLOn
PO1	x										
PO2		x									
PO3				x				x			
PO4											x
...							x				
POn				x							

5. Chuẩn đầu vào

- Người dự tuyển có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp hạng khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực học tập.

- Người dự tuyển có năng lực ngoại ngữ bậc 3 trở lên theo khung 6 bậc dùng cho Việt Nam

6. Thông tin tuyển sinh

6.1. Phương thức tuyển sinh

Chương trình đào tạo thực hiện tuyển sinh theo 02 phương thức: Xét tuyển; Xét tuyển kết hợp thi tuyển theo quy định trong Đề án tuyển sinh và Thông báo tuyển sinh hằng năm.

6.2. Đối tượng tuyển sinh

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp.

b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

6.3. Danh mục các ngành phù hợp

- Danh mục các ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức

1).....

2).....

- Danh mục các ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức

1).....

2).....

6.4. Môn học bổ sung kiến thức

1).....

2).....

7. Nội dung đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	Kiến thức chung	09/08
1.1	Tiếng Anh	05
1.2	Triết học	Các ngành KHXX&NV: 04 Các ngành KHTN&CN: 03
2	Kiến thức cơ sở và kiến thức ngành	Các ngành KHXX&NV: 36 Các ngành KHTN&CN: 37
2.1	Kiến thức cơ sở	15
2.2	Kiến thức ngành	Các ngành KHXX&NV: 21 Các ngành KHTN&CN: 22
3	Thực tập	6
4	Đề án	9
	Tổng số	60

8. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Mã số HP tiên quyết	Mã số HP học trước	Học kì dự kiến
				Số giờ lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
I		Kiến thức chung									
1	ENG651	Tiếng Anh	5	30	40	50					

Qu

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Mã số HP tiên quyết	Mã số HP học trước	Học kì dự kiến
				Số giờ lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
2	PHI641 PHI631	Triết học (KHXXH&NV) Triết học (KHTN&CN)	4 3	45 35	10 5	10 5	10 10				
II		Kiến thức cơ sở và chuyên ngành									
		<i>Khối kiến thức cơ sở</i>									
		<i>Các học phần bắt buộc</i>									
3		Học phần 1									
4											
		<i>Các học phần tự chọn</i>									
5		Học phần 1									
6											
		<i>Khối kiến thức ngành</i>									
		<i>Các học phần bắt buộc</i>									
7		Học phần 1									
8											
		<i>Các học phần tự chọn</i>									
9		Học phần 1									
10											
III		Thực tập	6								
11											
IV		Đề án	9								

Đ. Qu

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại giờ tín chỉ					Mã số HP tiên quyết	Mã số HP học trước	Học kì dự kiến
				Số giờ lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
Tổng số			60								

9. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được CDR của CTĐT

Mã học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo										
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	...	...	PLOn
ECO101	3	...		1	0	...	...	1	...	...	
ECO102	3	3	...	...	3	...	...	1	...	...	
BUS301	0	1	1	...	3	...	...	1	...	...	

Ghi chú: “0” = đóng góp không rõ ràng; “1” = Mức thấp (học phần có nhỏ hơn 19% số CLOs đóng góp cho một PLO); “2” = Mức trung bình (học phần có từ 20 đến 39% số CLOs đóng góp cho một PLO); “3” = Mức cao (học phần có từ 40% trở lên số CLOs đóng góp cho một PLO).

10. Đề cương các học phần và chuyên đề

(Trình bày các đề cương lần lượt theo thứ tự trong Khung CTĐT)

11. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Thái Nguyên, ngày tháng năm 20...

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

Quê